

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày: 28-5-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tư.

- Bà Trần Thị Út.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp THT, xã THT, huyện TP, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị D, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp BCT, xã TB, huyện CL, tỉnh TG.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ĐH, xã TB, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày: Vào ngày 18/01/2019, bà Cao Thị D có mua của ông 432kg trái sạpô, giá 9.000đ/kg, thành tiền là 3.888.000đ. Khi mua bán hai bên không có lập hợp đồng mua bán mà bà D chỉ ghi giấy để biết số kg và tính thành tiền, đồng thời bà D hứa trả tiền trong ngày. Tuy nhiên, đến ngày 12/3/2019, bà D chỉ mới trả được 2.000.000đ, còn lại 1.888.000đ bà D hẹn lần lữa rồi lách mặt không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả cho ông số tiền 1.888.000đ

Bị đơn bà Cao Thị D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản bác.

Tại bản tự khai (không ghi ngày, tháng, năm) người làm chứng bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà ở gần vườn của ông Nguyễn Công T, bà biết bà Cao Thị D là người mua sạpô nên bà có giới thiệu và dẫn bà D đến vườn của ông T để mua sạpô của ông T, tổng cộng bà D đã mua của ông T 432kg, giá 9.000đ/kg, thành tiền là 3.888.000đ, bà D không trả tiền liền mà nói một trả tiền. Khoảng mấy tháng sau ông T nói bà D có trả được 2.000.000đ, còn lại 1.888.000đ, nghe xong bà có điện thoại cho bà D hỏi tới nay sao không trả tiền cho ông T thì bà D nói gần nửa tháng nữa sẽ trả, nhưng sau đó bà gặp ông T thì ông T nói bà D vẫn không trả tiền và lánh mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Cao Thị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Công T khởi kiện bị đơn bà Cao Thị D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, Bà Cao Thị D có địa chỉ cư trú tại ấp BCT, xã TB, huyện CL, tỉnh TG. Căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Xét thấy, vào ngày 18/01/2019 thông qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Công T có bán cho bà Cao Thị D 432kg trái sạpô, giá 9.000đ/kg, thành tiền 3.888.000đ, bà D hẹn sau khi chờ sạpô xong sẽ trả tiền, nhưng sau đó không trả. Ông T đến nhà bà D đòi tiền nhiều lần thì ngày 12/3/2019 bà D có trả được 2.000.000đ, còn lại 1.888.000đ bà D không trả, nên ông T khởi kiện đòi bà D trả tiếp cho ông số tiền nợ là có căn cứ. Bởi lẽ, tuy việc mua bán giữa ông T và bà D không có lập hợp đồng mua bán theo quy định nhưng có người làm chứng là bà Nguyễn Thị D xác nhận là vào ngày 18/01/2019 bà có giới thiệu và dẫn bà D đến mua trái sạpô của ông T với số lượng là 432kg, giá 9.000đ/kg, thành tiền là 3.888.000đ, việc bà D còn nợ lại ông T số tiền 1.888.000đ bà D cũng xác nhận có điện thoại cho bà D để kêu bà D trả tiếp cho ông T và bà D cũng thừa nhận còn nợ số tiền này. Riêng đối với bà Cao Thị D, mặc dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản bác gì xem như bà từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và mặc nhiên thừa nhận nợ của ông T. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà D có trách nhiệm trả cho ông T số tiền mua trái sạpô còn thiếu 1.888.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đồng thời, do nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xét trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T. Buộc bị đơn bà Cao Thị D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công T số tiền mua bán trái sapô còn thiếu là 1.888.000đ, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Cao Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHA DS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAILẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**Nguyễn Thành Ngoan
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 28 tháng 5 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tư

- Bà Trần Thị Út.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 350/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp THT, xã THT, huyện TP, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Bà Cao Thị Dứt, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp BCT, xã TB, huyện CL, tỉnh TG.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ĐH, xã TB, huyện CL, tỉnh TG.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T. Buộc bị đơn bà Cao Thị D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công T số tiền mua bán trái sapô còn thiếu là 1.888.000đ, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Cao Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 5 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử⁽¹⁰⁾**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa